

Bản án số: 24/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 03/10/2018.

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương .
- Các hội thẩm: Bà Nguyễn Thị Huyền và ông Lò Văn Pọm.
- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lợi, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo.
- Đại diện VKSND huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa có bà: Vũ Thị Mai, KSV.

Vào ngày 03/10/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tuần Giáo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2018/TLST-HN&GD ngày 09/5/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2018/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Chị Quàng Thị H; Sinh năm: 1996.

Trú tại: Bản N, xã E, huyện T, tỉnh Sơn La. (có mặt)

+ **Bị đơn:** Anh Quàng Văn Đ; sinh năm: 1992.

Trú tại: Bản P, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 5 năm 2018, tại bản tự khai, và tại phiên tòa nguyên đơn chị Quàng Thị H trình bày:

Chị H và anh Đ sống chung như vợ chồng từ năm 2012, đến ngày 21/4/2014 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị H xin được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị và anh có một người con chung là cháu Quàng Minh A; sinh ngày 04/11/2013. Khi ly hôn chị H nhất trí giao cháu Minh A cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu A, chị H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1000.000đ. (*một triệu đồng*).

Về tài sản chung: Hai anh chị không có tài sản chung, không có nợ phải trả.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án nhưng bị đơn Quàng Văn Đ không mặt tại địa phương. Qua xác minh được trưởng bản P, xã Q và chính quyền địa phương cho biết: Quàng Văn Đ có hộ khẩu thường trú và trú tại bản P, xã Q, huyện T,

tỉnh Điện Biên. Hiện nay, anh Đ không có mặt ở địa phương, không đăng ký tạm vắng nên chính quyền địa phương không biết hiện nay anh ở đâu, đăng ký tạm trú ở đâu. Anh Đ thường đi làm ăn xa, thỉnh thoảng có về thăm gia đình vài hôm rồi lại đi. Ông Quảng Văn N là bố đẻ của anh Đ cho biết: Anh Đ và chị H là con trai, con dâu ông. Từ ngày kết hôn, hai vợ chồng sống chung với gia đình ông. Từ năm 2014, xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2016, chị H về sống với mẹ đẻ ở Huyện C. Còn anh Đ và cháu Minh A vẫn ở chung cùng gia đình ông. Anh Đ đi làm thuê từ tháng 4/2018, ông cũng không rõ địa chỉ ở đâu, không có số điện thoại của anh Đ để liên lạc. Thỉnh thoảng anh Đ có về thăm ông và thăm con rồi lại đi.

Tòa án đã yêu cầu chị H cung cấp địa chỉ khác của anh Đ, chị H trình bày: Hiện nay anh Đ không có mặt ở phương, Anh Đ thường xuyên thay đổi chỗ ở, không ở ổn định. Chị đã trao đổi với anh về việc ly hôn và yêu cầu anh cung cấp số điện thoại và địa chỉ liên hệ khi cần nhưng anh Đ không cung cấp và cố tình giấu địa chỉ, gây khó khăn cho chị. Tuy nhiên, anh Đ nhất trí ly hôn và anh chị thống nhất khi ly hôn, anh Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục chăm sóc cháu, chị H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1000.000đ (*một triệu đồng*).

Vì không thể tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho bị đơn Quảng Văn Đ, Tòa án căn cứ vào Điều 179 BLTTDS, niêm yết Thông báo thụ lý vụ án số 300/TB ngày 09/5/2018 tại trụ sở Tòa án, trụ sở UBND xã và nơi cư trú của bị đơn. Ngày 31/5/2018, niêm yết Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 193/TB-TA; ngày 27 tháng 6 năm 2018, niêm yết Thông báo số: 235/TB-TA ngày 26 tháng 6 năm 2018 về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 2. Đồng thời, giao toàn bộ các văn bản tố tụng nói trên cho ông Quảng Văn N và ông đã cam kết sẽ giao lại cho anh Đ. Sau đó, Tòa án tiến hành xác minh, ghi lời khai của ông N về việc tổng đạt quyết định tố tụng cho anh Đ thì ông N xác nhận: Ông đã thực hiện đầy đủ và kịp thời việc giao văn bản tố tụng cho anh Đ. Cụ thể: Ngày 16 /5/2018, đã giao Thông báo thụ lý vụ án; ngày 04 tháng 6 năm 2018 đã giao thông báo phiên hòa giải số 193; ngày 02 tháng 7 đã giao thông báo phiên hòa giải số 235 cho anh Đ. Tại biên bản ghi lời khai của ông Quảng Văn N, bố đẻ anh Đ ông N xác nhận: Anh Đ nhận đầy đủ kịp thời các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng trốn tránh. Tuy nhiên, anh Đ vẫn có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Minh A vì cháu sống với gia đình tôi từ bé đến giờ. Anh Đ đi làm hàng tháng vẫn về và vẫn gửi tiền về để nuôi con. Còn vấn đề cấp dưỡng thì tùy chị H, anh Đ không bắt buộc.

Anh Quảng Văn Đ vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã căn cứ Điều 207 BLTTDS đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa ngày 17/8/2018, mặc dù Tòa án đã niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử đồng thời Quyết định này đã được ông N giao trực tiếp cho anh Đ nhưng do bị đơn vắng mặt nên HĐXX hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

Tại phiên tòa hôm nay, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và giao nuôi con chung.

Vị đại diện VKS phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký, HĐXX từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án đảm bảo đúng qui định của BLTTDS. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 luật HNGĐ, Điều 147 BLTTDS, Điểm a

khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị giải quyết cho chị Quàng Thị H được ly hôn với anh Quàng Văn Đ, giao con chung là cháu Quàng Minh A cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu Minh A đủ 18 tuổi có khả năng lao động, chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng một tháng thực hiện từ 01/01/2019 đến khi cháu Minh A trưởng thành, chị H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở, chị H và anh Đ có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Chị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Quàng Thị H và anh Quàng Văn Đ tự nguyện kết hôn từ ngày 21 tháng 4 năm 2014, có giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã Quài Càng, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên cấp. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống do anh Đ nghiện ma túy, ham chơi không chịu khó làm ăn nên anh chị thường xảy ra xô xát cuộc sống của anh chị khó khăn, không có hạnh phúc. Năm 2016, anh chị đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Vấn đề này được thể hiện tại lời khai của chị H và trường bản P, xã Q và ông N là bố anh Đ.

Xét thấy mâu thuẫn của anh, chị đã trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Quàng Thị H, xử cho chị H được ly hôn anh Đ.

[2] Về con chung: Anh chị có 01 người con chung là cháu Quàng Minh A, sinh ngày 04/11/2013. Khi ly hôn, anh chị thống nhất giao cháu Quàng Minh A cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chị H cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng 1000.000đ (*một triệu đồng*). Xét yêu cầu này của anh, chị thấy rằng: Anh Đ có chỗ ở và công việc, thu nhập đảm bảo nuôi cháu. Hơn nữa cháu đã sống với anh Đ và gia đình anh từ khi còn bé nên sẽ đảm bảo cuộc sống của cháu. Cần áp dụng điều 81 luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Minh A cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị H cấp dưỡng nuôi cháu mỗi tháng 1000.000đ từ tháng 1/2019 là phù hợp. Bởi vậy, cần áp dụng Điều 81,82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu này của anh chị.

[3] Về tài sản chung, nợ phải trả: Hai anh chị không có tài sản chung, nợ phải trả được thể hiện lời khai xác nhận của chị tại bản tự khai và tại phiên tòa.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Xét đề nghị của VKSND huyện Tuần Giáo về quan điểm giải quyết các vấn đề của vụ án như trên là có căn cứ, phù hợp với qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 147, 271, 273 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Quàng Thị H được ly hôn anh Quàng Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Quàng Minh A, sinh ngày 04/11/2013 cho anh Quàng Văn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Minh A trưởng thành. Chị Hà cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng 1000.000đ (một triệu đồng) kể từ tháng 01/2019 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Chị Quàng Thị H được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Hai anh chị không có tài sản chung.

4. Án phí: Chị H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2010/05559 ngày 09/5/2018. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn. Ngoài ra chị H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Chị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKSNDTG
- Đương sự;
- UBND xã Quài Cang.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thương